

THÔNG TƯ LIÊN TỊCH

Hướng dẫn quản lý tài chính của Chương trình hỗ trợ phát triển doanh nghiệp khoa học và công nghệ và tổ chức khoa học và công nghệ công lập thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm

Căn cứ Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 215/2013/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 20/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Thực hiện Quyết định số 592/QĐ-TTg ngày 22 tháng 5 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình hỗ trợ phát triển doanh nghiệp khoa học và công nghệ và tổ chức khoa học và công nghệ công lập thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm;

Bộ trưởng Bộ Tài chính và Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Thông tư liên tịch hướng dẫn quản lý tài chính của Chương trình hỗ trợ phát triển doanh nghiệp khoa học và công nghệ và tổ chức khoa học và công nghệ công lập thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm.

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Thông tư này hướng dẫn quản lý tài chính thực hiện Chương trình hỗ trợ phát triển doanh nghiệp khoa học và công nghệ và tổ chức khoa học và công nghệ công lập thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm (sau đây viết tắt là Chương trình) được phê duyệt tại Quyết định số 592/QĐ-TTg ngày 22 tháng 5 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ.

2. Thông tư này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân tham gia quản lý và thực hiện Chương trình.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. Cơ quan chủ quản dự án:

a) Bộ Khoa học và Công nghệ là cơ quan chủ quản đối với các dự án của Chương trình do Bộ Khoa học và Công nghệ trực tiếp quản lý;

b) Các Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan nhà nước khác ở Trung ương (sau đây viết tắt là Bộ, ngành) là cơ quan chủ quản đối với các dự án của Chương trình do Bộ, ngành quản lý;

c) Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây viết tắt là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) là cơ quan chủ quản đối với các dự án của Chương trình do địa phương quản lý và các dự án do Trung ương ủy quyền địa phương quản lý (nếu có).

2. Tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện dự án là tổ chức, cá nhân đề xuất dự án và được cấp thẩm quyền phê duyệt, giao thực hiện dự án.

Điều 3. Nguyên tắc huy động các nguồn tài chính

1. Dự án cần có phương án huy động các nguồn tài chính, trong đó nêu đầy đủ nhu cầu về kinh phí, chi tiết theo từng nguồn nêu tại Điều 6 của Thông tư này và thuyết minh rõ khả năng huy động các nguồn tài chính để thực hiện dự án.

2. Phương án huy động các nguồn tài chính đảm bảo tính khả thi:

a) Các nguồn kinh phí ngoài ngân sách để thực hiện dự án cần được các tổ chức tài chính, tín dụng, quỹ xác nhận; vốn, tài sản của tổ chức, cá nhân để đối ứng thực hiện dự án do tổ chức, cá nhân tự bảo đảm;

b) Các nguồn kinh phí từ ngân sách nhà nước để thực hiện dự án cần có ý kiến bằng văn bản của cơ quan quản lý nhà nước về nguồn kinh phí đó.

3. Trước khi phê duyệt dự án, cơ quan có thẩm quyền phê duyệt dự án bảo đảm phương án huy động đủ các nguồn tài chính để thực hiện dự án.

Điều 4. Nguyên tắc hỗ trợ và sử dụng kinh phí từ nguồn ngân sách nhà nước

1. Việc cân đối nguồn ngân sách nhà nước đảm bảo cơ cấu theo tỷ lệ với các nguồn kinh phí huy động khác ngoài ngân sách theo dự án được duyệt. Nhà nước đảm bảo bố trí đủ kinh phí hỗ trợ từ nguồn ngân sách nhà nước cho các dự án đã được phê duyệt.

2. Kinh phí hỗ trợ từ nguồn ngân sách nhà nước được lập kế hoạch chi tiết theo từng loại nguồn vốn cho cả giai đoạn thực hiện; được phân bổ và sử dụng theo tiến độ và cơ cấu trong dự toán của dự án đã được phê duyệt.

3. Quy trình lập dự toán, phân bổ, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí hỗ trợ từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn.

4. Các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp sử dụng kinh phí hỗ trợ từ nguồn ngân sách nhà nước để thực hiện dự án đảm bảo đúng mục đích, đúng chế độ và

chịu sự kiểm tra, kiểm soát của cơ quan chức năng có thẩm quyền theo quy định hiện hành.

Điều 5. Nguyên tắc sử dụng kinh phí ngoài ngân sách nhà nước

1. Tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện dự án có trách nhiệm sử dụng và giải ngân kinh phí ngoài ngân sách nhà nước theo đúng phương án huy động các nguồn tài chính, đảm bảo về cơ cấu theo tỷ lệ với nguồn ngân sách nhà nước theo dự án đã được phê duyệt.

2. Tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện dự án có trách nhiệm giám sát việc huy động, giải ngân nguồn kinh phí ngoài ngân sách nhà nước đúng tiến độ, cơ cấu, tổng mức theo hợp đồng đã ký.

Chương II NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 6. Kinh phí thực hiện Chương trình

1. Kinh phí thực hiện Chương trình được bảo đảm từ các nguồn:

a) Ngân sách nhà nước:

- Ngân sách Trung ương cân đối cho các nhiệm vụ của Chương trình do các Bộ, ngành thực hiện và các hoạt động chung của Chương trình do Văn phòng các Chương trình khoa học và công nghệ quốc gia (sau đây viết tắt là Văn phòng Chương trình quốc gia) tổ chức thực hiện;

- Ngân sách địa phương và ngân sách Trung ương bổ sung có mục tiêu cho ngân sách địa phương cân đối cho các nhiệm vụ của Chương trình do địa phương thực hiện và các nhiệm vụ do Trung ương ủy quyền địa phương thực hiện;

- Kinh phí do ngân sách nhà nước cân đối thực hiện các nhiệm vụ thuộc Chương trình được bố trí trong dự toán chi ngân sách hằng năm của các Bộ, ngành, địa phương.

b) Quỹ đổi mới công nghệ quốc gia, Quỹ phát triển khoa học và công nghệ quốc gia và các quỹ hợp pháp khác;

c) Các nguồn hợp pháp khác (vốn tín dụng, vốn ODA, vốn hợp tác quốc tế, viện trợ của nước ngoài và nguồn vốn khác);

d) Nguồn kinh phí đối ứng bao gồm:

- Kinh phí đóng góp của các cơ quan, đơn vị, cá nhân thực hiện dự án, nhiệm vụ;

- Kinh phí huy động từ các nguồn hợp pháp khác.

2. Ngân sách Trung ương bổ sung có mục tiêu cho ngân sách địa phương để triển khai các dự án do Trung ương ủy quyền địa phương quản lý được thực hiện theo nguyên tắc:

a) Đối với địa phương có điều tiết các khoản thu phân chia về ngân sách trung ương trên 50%, ngân sách Trung ương không hỗ trợ kinh phí thực hiện các dự án mà bố trí từ nguồn ngân sách địa phương để thực hiện;

b) Đối với các địa phương có điều tiết các khoản thu phân chia về ngân sách Trung ương dưới 50%, ngân sách Trung ương hỗ trợ có mục tiêu cho địa phương tối đa 50% mức kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ để thực hiện dự án được quy định tại Thông tư này;

c) Đối với các địa phương chưa tự cân đối được ngân sách và tỉnh Quảng Ngãi (là tỉnh điều tiết về ngân sách Trung ương nhưng có 06 huyện nghèo), ngân sách Trung ương hỗ trợ có mục tiêu cho địa phương tối đa 70% mức kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ để thực hiện dự án được quy định tại Thông tư này.

3. Bộ, ngành và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước để thực hiện các dự án thuộc Chương trình có hiệu quả, lồng ghép và không trùng lặp với chương trình, dự án khác.

Điều 7. Nội dung và mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước đối với các dự án thuộc Chương trình

1. Hỗ trợ mức kinh phí tối đa đến 80 triệu đồng cho hoạt động tư vấn của các dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt, bao gồm: dự án hỗ trợ thành lập cơ sở và đầu mối ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ; dự án hỗ trợ hoạt động ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ; dự án hỗ trợ phát triển doanh nghiệp khoa học và công nghệ. Nội dung các hoạt động tư vấn được thực hiện theo hướng dẫn cụ thể của Bộ Khoa học và Công nghệ.

2. Hỗ trợ 50% kinh phí đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn ngắn hạn trong nước cho cán bộ quản lý và người làm việc tại các cơ sở, đầu mối ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ; các doanh nghiệp khoa học và công nghệ và các tổ chức khoa học và công nghệ công lập thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm.

Nội dung và mức chi cụ thể thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 139/2010/TT-BTC ngày 21 tháng 9 năm 2010 của Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý và sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công chức nhà nước và Thông tư số 05/2011/TTLT-BKHĐT-BTC ngày 31 tháng 3 năm 2011 của liên Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính hướng dẫn trợ giúp đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa.

3. Kinh phí sử dụng trang thiết bị, dịch vụ tại các phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia, cơ sở ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ được hỗ trợ theo định mức như sau:

- Tối đa 50% chi phí vận hành máy móc, thiết bị (bao gồm cả chi phí nhân công) tại các phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia, cơ sở ươm tạo công nghệ,

ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ của dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

- Tối đa 30% kinh phí thực hiện các nội dung của dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt, bao gồm: kinh phí mua vật tư, nguyên liệu, nhiên liệu sử dụng trong quá trình thực hiện thí nghiệm; kinh phí thuê các dịch vụ được cung cấp bởi phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia, cơ sở ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ.

4. Kinh phí cho hoạt động nghiên cứu để phát triển ý tưởng, giải mã công nghệ, hoàn thiện công nghệ để tạo ra sản phẩm mới được hỗ trợ như sau:

- Hỗ trợ 100% kinh phí cho hoạt động nghiên cứu, giải mã công nghệ để ra vật mẫu, thiết kế kỹ thuật.

- Hỗ trợ tối đa 50% kinh phí cho hoạt động hoàn thiện công nghệ để tạo ra sản phẩm mới.

Nội dung và định mức hỗ trợ cụ thể thực hiện theo các quy định hiện hành về sử dụng ngân sách nhà nước đối với đề tài nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, dự án sản xuất thử nghiệm.

5. Hỗ trợ theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt tối đa 50% tổng mức kinh phí đầu tư (không bao gồm giá trị còn lại hoặc chi phí khấu hao trang thiết bị, nhà xưởng đã có vào tổng mức kinh phí đầu tư) để thực hiện dự án sản xuất thử nghiệm từ việc ứng dụng các sáng chế, giải pháp hữu ích để thành lập doanh nghiệp khoa học và công nghệ; tối đa đến 70% tổng mức kinh phí đầu tư để thực hiện dự án sản xuất thử nghiệm trong lĩnh vực nông nghiệp triển khai trên địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn theo Quyết định số 30/2007/QĐ-TTg ngày 5 tháng 3 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Danh mục các tổ chức hành chính thuộc vùng khó khăn và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có).

Nội dung và định mức hỗ trợ cụ thể thực hiện theo quy định tại Thông tư số 22/2011/TTLT-BTC-BKHCN ngày 21 tháng 02 năm 2011 của liên Bộ Tài chính và Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn quản lý tài chính đối với các dự án sản xuất thử nghiệm được ngân sách nhà nước hỗ trợ kinh phí và các văn bản khác có liên quan.

6. Hỗ trợ tối đa 50% kinh phí thực hiện hoạt động liên kết với tổ chức hoặc chuyên gia ở nước ngoài của dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt để ươm tạo, phát triển doanh nghiệp khoa học và công nghệ, bao gồm các nội dung sau:

- Chi phí thuê chuyên gia nước ngoài giảng dạy, làm việc tại Việt Nam theo hợp đồng giữa chuyên gia nước ngoài với tổ chức, cá nhân sử dụng chuyên gia. Bộ Khoa học và Công nghệ chịu trách nhiệm tổ chức lựa chọn chuyên gia để thực hiện nội dung này và bảo đảm sử dụng kinh phí hiệu quả.

- Chi phí ăn ở, đi lại tại Việt Nam cho chuyên gia nước ngoài tham gia trực tiếp các hoạt động trong khuôn khổ liên kết. Nội dung và định mức hỗ trợ cụ thể được thực hiện theo Thông tư số 01/2010/TT-BTC ngày 06 tháng 01 năm 2010 của Bộ Tài chính quy định chế độ chi tiêu đón tiếp khách nước ngoài vào làm việc

tại Việt Nam, chi tiêu tổ chức các hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam và chi tiêu tiếp khách trong nước;

- Chi phí mua giáo trình, tài liệu theo định mức tài chính hiện hành.

7. Hỗ trợ tổ chức khoa học và công nghệ công lập giải quyết chính sách đối với người lao động dôi dư khi chuyển sang thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm, bao gồm:

a) Hỗ trợ tài chính cho người về hưu trước tuổi, chuyển công tác sang làm việc tại các tổ chức, đơn vị ngoài công lập, thôi việc ngay;

b) Hỗ trợ kinh phí đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng để chuyển đổi nghề và tìm việc làm mới.

Điều 8. Nội dung và định mức chi hoạt động chung của Chương trình

1. Chi hoạt động của Ban Chỉ đạo:

a) Chi tổ chức các cuộc họp định kỳ, đột xuất của Ban Chỉ đạo;

b) Chi tổ chức các đoàn công tác kiểm tra, giám sát; tổ chức sơ kết, tổng kết đánh giá kết quả thực hiện Chương trình;

c) Các khoản chi khác của Ban Chỉ đạo.

2. Chi hoạt động chung, các dự án phục vụ công tác quản lý của Chương trình:

a) Điều tra, khảo sát, phát hiện, phân loại các tổ chức, cá nhân có tiềm lực hình thành doanh nghiệp khoa học và công nghệ;

b) Điều tra, đánh giá, phân loại các tổ chức khoa học và công nghệ công lập để xây dựng kế hoạch, lộ trình chuyển đổi hoạt động sang cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm;

c) Xây dựng cơ sở dữ liệu về doanh nghiệp khoa học và công nghệ của cả nước, bao gồm việc thành lập, số lượng, tình hình hoạt động, phát triển, tình trạng sử dụng công nghệ và khả năng tiếp cận công nghệ mới của doanh nghiệp khoa học và công nghệ;

d) Thiết kế, xây dựng, vận hành trang thông tin điện tử để phổ biến thông tin công nghệ và doanh nghiệp khoa học và công nghệ;

đ) Thông tin, tuyên truyền về hoạt động của Chương trình và kết quả thực hiện dự án thuộc Chương trình;

e) Triển khai các nhiệm vụ khoa học và công nghệ để nghiên cứu, đề xuất sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện cơ chế, chính sách phát triển doanh nghiệp khoa học và công nghệ và cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các tổ chức khoa học và công nghệ công lập;

g) Các khoản chi khác phục vụ công tác quản lý của Chương trình.

3. Chi hoạt động của Văn phòng Chương trình quốc gia phục vụ công tác quản lý Chương trình:

a) Tiền lương, tiền công và các khoản chi theo lương của cán bộ, nhân viên Văn phòng Chương trình quốc gia tham gia quản lý Chương trình;

b) Chi tổ chức các hội đồng thẩm định, hội đồng khoa học và công nghệ;

c) Chi xét duyệt, kiểm tra, đánh giá nghiệm thu các dự án của Chương trình;

d) Chi công tác kiểm toán độc lập;

đ) Chi công tác phí, hội nghị, hội thảo khoa học, tổ chức các hội nghị sơ kết, tổng kết Chương trình, biên soạn và in ấn sách chuyên khảo, kết quả của Chương trình;

e) Chi tiền nhà, điện, nước, thông tin liên lạc, mua đồ dùng, thiết bị văn phòng, văn phòng phẩm;

g) Chi xăng xe, thuê phương tiện phục vụ công tác chuyên môn;

h) Chi mua sắm, sửa chữa tài sản, sửa chữa cơ sở vật chất phục vụ công tác chuyên môn;

i) Chi đoàn ra, đoàn vào;

k) Các khoản chi khác liên quan đến hoạt động của Văn phòng Chương trình quốc gia phục vụ công tác quản lý Chương trình.

4. Định mức chi các nội dung tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều này được vận dụng theo quy định hiện hành về định mức sử dụng ngân sách nhà nước.

Điều 9. Lập dự toán, phân bổ và giao dự toán kinh phí của Chương trình

Việc lập dự toán, phân bổ và giao dự toán ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ đối với Chương trình thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, các văn bản hướng dẫn hiện hành. Thông tư này hướng dẫn một số nội dung cụ thể như sau:

1. Hằng năm, vào thời điểm lập dự toán thu, chi ngân sách nhà nước, các đơn vị được giao thực hiện dự án của Chương trình; căn cứ vào các nhiệm vụ thuộc dự án được duyệt và các nội dung hướng dẫn tại Thông tư này để lập dự toán kinh phí bảo đảm cho việc thực hiện dự án của Chương trình, gửi cơ quan chủ quản để tổng hợp chung vào dự toán của các Bộ, ngành, địa phương trình cấp có thẩm quyền phê duyệt; đồng thời gửi Bộ Khoa học và Công nghệ để tổng hợp và phối hợp thực hiện.

2. Đối với kinh phí ngân sách Trung ương hỗ trợ ngân sách địa phương để thực hiện các nhiệm vụ ủy quyền cho địa phương quản lý: Bộ Khoa học và Công nghệ lập dự toán hỗ trợ ngân sách cho từng địa phương và tổng hợp gửi Bộ Tài chính cùng thời điểm lập dự toán chi ngân sách Trung ương hằng năm theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

3. Kinh phí thực hiện dự án do Bộ Khoa học và Công nghệ trực tiếp quản lý, kinh phí hoạt động của Ban Chỉ đạo Chương trình, kinh phí hoạt động chung, các dự án phục vụ công tác quản lý của Chương trình và kinh phí hoạt động của Văn phòng Chương trình quốc gia phục vụ công tác quản lý Chương trình ở

Trung ương do Văn phòng Chương trình quốc gia lập dự toán theo quy định hiện hành gửi Bộ Khoa học và Công nghệ để tổng hợp phương án phân bổ dự toán chi ngân sách hằng năm gửi Bộ Tài chính theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

Kinh phí hoạt động quản lý chung của Chương trình ở từng địa phương (nếu có) do địa phương bảo đảm trong dự toán ngân sách địa phương hằng năm.

4. Việc phân bổ và giao dự toán thực hiện theo quy định quản lý tài chính và phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành. Đối với các dự án trung ương ủy quyền cho địa phương quản lý thì dự toán giao về từng địa phương để quản lý theo hình thức hỗ trợ có mục tiêu.

Điều 10. Giải ngân kinh phí từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình

1. Đối với dự án do Bộ, ngành quản lý:

a) Nhận kinh phí và kiểm soát chi:

- Đối với các dự án do Bộ Khoa học và Công nghệ trực tiếp quản lý, Văn phòng Chương trình quốc gia mở tài khoản dự toán tại Kho bạc Nhà nước để tiếp nhận kinh phí chi thực hiện các dự án do Bộ Khoa học và Công nghệ trực tiếp quản lý; hoạt động của Ban chỉ đạo Chương trình; hoạt động chung, các dự án phục vụ công tác quản lý Chương trình và hoạt động của Văn phòng Chương trình quốc gia phục vụ công tác quản lý Chương trình. Văn phòng Chương trình quốc gia có trách nhiệm kiểm soát chi và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, hợp lệ, hồ sơ, chứng từ chi của tổ chức chủ trì dự án; thực hiện thanh quyết toán với Kho bạc Nhà nước nơi Văn phòng các Chương trình quốc gia giao dịch theo quy định hiện hành.

Kho bạc Nhà nước thực hiện kiểm soát theo các điều khoản đã ký kết trong hợp đồng thực hiện dự án, không kiểm soát tài khoản tiền gửi của tổ chức chủ trì đề tài, dự án mở tại Kho bạc Nhà nước; không kiểm soát hồ sơ chi tiết từng khoản chi của tổ chức chủ trì dự án.

- Đối với các dự án do Bộ, ngành khác quản lý, Bộ, ngành quản lý, sử dụng và giao dự toán kinh phí thực hiện các dự án cho tổ chức, cá nhân chủ trì theo đúng quy định quản lý ngân sách nhà nước hiện hành;

- Tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện dự án mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch để tiếp nhận kinh phí thực hiện dự án và tự chịu trách nhiệm về quyết định chi tiêu của mình, chịu sự kiểm tra, kiểm soát của Bộ, ngành về tình hình sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện. Đối với các dự án do Bộ Khoa học và Công nghệ trực tiếp quản lý, tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện dự án mở tài khoản tiền gửi tại Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch để tiếp nhận kinh phí thực hiện dự án; tự chịu trách nhiệm về quyết định chi tiêu của mình và chịu sự kiểm tra, kiểm soát của Văn phòng Chương trình quốc gia về tình hình sử dụng và quyết toán kinh phí.

- Kho bạc Nhà nước kiểm soát các khoản chi ngân sách nhà nước tại tài khoản dự toán của đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước theo quy định của Thông tư số 161/2012/TT-BTC ngày 02 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính về chế độ kiểm soát, thanh toán các khoản chi ngân sách nhà nước qua Kho bạc Nhà nước.

b) Tạm ứng:

- Khi tạm ứng kinh phí, đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước rút dự toán để tạm ứng kinh phí cho các tổ chức, cá nhân thực hiện dự án trên cơ sở không vượt quá mức kinh phí phân bổ theo dự toán năm đã được giao và tiến độ cấp kinh phí đã được thống nhất trong hợp đồng ký kết với tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện dự án. Hồ sơ tạm ứng lần đầu gửi Kho bạc Nhà nước bao gồm: Dự toán năm được cấp có thẩm quyền giao; Giấy rút dự toán ngân sách nhà nước (tạm ứng), trong đó ghi rõ nội dung tạm ứng; Hợp đồng thực hiện dự án.

- Trước khi tạm ứng kinh phí các đợt tiếp theo, các Bộ, ngành tổ chức kiểm tra, đánh giá tiến độ, khối lượng thực hiện và tình hình sử dụng kinh phí thực hiện dự án. Chỉ thực hiện tạm ứng các đợt tiếp theo đối với dự án đã được thanh toán tối thiểu 50% mức kinh phí đã tạm ứng các đợt trước đó và không vi phạm các quy định hiện hành của nhà nước liên quan đến tổ chức triển khai thực hiện dự án. Hồ sơ tạm ứng kinh phí các đợt tiếp theo gửi Kho bạc Nhà nước bao gồm: Biên bản kiểm tra tiến độ và đánh giá khối lượng thực hiện công việc đã hoàn thành; Bản xác nhận kinh phí đã sử dụng; Giấy rút dự toán ngân sách nhà nước (tạm ứng), trong đó ghi rõ nội dung tạm ứng.

c) Thanh toán tạm ứng:

Khi thanh toán tạm ứng, đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước gửi hồ sơ thanh toán tạm ứng cho Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch, hồ sơ thanh toán tạm ứng bao gồm: Giấy đề nghị thanh toán tạm ứng; Bản xác nhận về nội dung công việc đã hoàn thành; Bảng kê kinh phí chi thanh toán cho các nội dung tương ứng với khối lượng công việc hoàn thành được cơ quan có thẩm quyền xác nhận.

2. Đối với dự án do Trung ương ủy quyền địa phương quản lý:

Căn cứ vào dự toán chi ngân sách Trung ương giao cho các Bộ, ngành, địa phương, Bộ Tài chính cấp kinh phí theo hình thức hỗ trợ có mục tiêu cho các địa phương. Việc cấp kinh phí ngân sách Trung ương hỗ trợ có mục tiêu cho các địa phương theo nguyên tắc ngân sách Trung ương hỗ trợ phù hợp với cơ cấu tỷ lệ nguồn ngân sách địa phương bảo đảm thực hiện dự án và phù hợp với tiến độ giải ngân của ngân sách địa phương theo quyết định phê duyệt dự án.

Việc cấp kinh phí từ nguồn ngân sách Trung ương và kinh phí từ nguồn ngân sách địa phương cho các tổ chức, đơn vị chủ trì thực hiện dự án thực hiện theo quy định tại Thông tư của Bộ Tài chính quy định về tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước hằng năm.

3. Đối với dự án do địa phương quản lý thực hiện từ nguồn ngân sách địa phương: thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

4. Kinh phí hoạt động chung của Chương trình

Kinh phí hoạt động chung của Chương trình được thực hiện trực tiếp tại Văn phòng Chương trình quốc gia và chỉ theo đúng quy định hiện hành như đối với đơn vị dự toán cấp 3 sử dụng ngân sách nhà nước. Kho bạc Nhà nước thực hiện kiểm soát chỉ theo quy định tại Thông tư số 161/2012/TT-BTC ngày 02 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính về chế độ kiểm soát, thanh toán các khoản chi ngân sách nhà nước qua Kho bạc Nhà nước.

Điều 11. Quyết toán kinh phí thực hiện Chương trình

1. Kinh phí thực hiện các dự án, nhiệm vụ của Chương trình được sử dụng và quyết toán theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

2. Kinh phí thực hiện các dự án, nhiệm vụ của Chương trình khi quyết toán phải đảm bảo đầy đủ chứng từ hợp pháp, hợp lệ theo quy định tài chính hiện hành.

Điều 12. Công tác kiểm tra tài chính Chương trình

1. Hằng năm, các Bộ, ngành và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện kiểm tra thường xuyên hoặc đột xuất tình hình thực hiện dự án, đánh giá tiến độ, hiệu quả sử dụng ngân sách nhà nước của các dự án được giao quản lý hoặc được ủy quyền quản lý, báo cáo về Văn phòng Chương trình quốc gia để Bộ Khoa học và Công nghệ tổng hợp.

Văn phòng Chương trình quốc gia có trách nhiệm kiểm tra thường xuyên hoặc đột xuất tình hình thực hiện dự án, đánh giá tiến độ, hiệu quả sử dụng ngân sách nhà nước của các dự án do Bộ Khoa học và Công nghệ trực tiếp quản lý; phối hợp với các Bộ, ngành và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh kiểm tra thường xuyên hoặc đột xuất tình hình thực hiện dự án của Chương trình do các bộ, ngành, cơ quan trung ương và địa phương quản lý.

2. Trường hợp dự án không thực hiện đúng kế hoạch, sử dụng kinh phí sai mục đích, sai chế độ thì dự án bị đình chỉ và thu hồi kinh phí đã sử dụng sai mục đích nộp ngân sách nhà nước, đồng thời thông báo cho Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch để cùng phối hợp thực hiện việc thu hồi kinh phí nộp ngân sách nhà nước.

Điều 13. Xử lý khi chấm dứt hợp đồng

Khi kết thúc thời hạn hợp đồng nhưng nghiệm thu không đạt yêu cầu, hoặc bị dừng thực hiện do khi kiểm tra cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền thấy không thực hiện theo đúng yêu cầu mục tiêu đề ra hoặc cơ quan chủ trì đề nghị không tiếp tục thực hiện dự án được xem xét, quyết định về xử lý theo quy định hiện hành về xử lý dự án không hoàn thành.

Điều 14. Quản lý, sử dụng và xử lý tài sản của Chương trình

Việc quản lý, sử dụng và xử lý tài sản của Chương trình được thực hiện theo quy định của pháp luật về mua sắm, quản lý, sử dụng và xử lý tài sản nhà nước.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 15. Hiệu lực thi hành

Thông tư liên tịch này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 08 tháng 6 năm 2014.

Điều 16. Trách nhiệm thi hành

Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn và tổ chức thực hiện Thông tư này.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị các tổ chức, cá nhân phản ánh về Bộ Tài chính, Bộ Khoa học và Công nghệ để xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

KT. BỘ TRƯỞNG
BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
THỦ TRƯỞNG



Trần Quốc Khánh
Trần Quốc Khánh

KT. BỘ TRƯỞNG
BỘ TÀI CHÍNH
THỦ TRƯỞNG



Vũ Thị Mai
Vũ Thị Mai

Nơi nhận:

- Văn phòng TW Đảng;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Toà án nhân dân tối cao;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Cơ quan trung ương của các Hội, đoàn thể;
- UBND, Sở Tài chính, Sở KH&CN, Kho bạc Nhà nước các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Cục kiểm tra văn bản Bộ Tư pháp;
- Công báo, Website Chính phủ;
- Website Bộ Tài chính; Website Bộ KH&CN;
- Lưu: Bộ TC (VT, Vụ HCSN); Bộ KH&CN (VT, Vụ TCCB). (370)

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

SAO Y BẢN CHÍNH

Số: 996/ SY-UBND

Bình Định, ngày 18 tháng 6 năm 2014

Nơi nhận:

- Sở Nông nghiệp và PTNT;
- Sở Y tế;
- Sở Công Thương;
- Công ty Dược và TTB Y tế BD;
- PVPVX, K16;
- Lưu: VT (06b).

**TL. CHỦ TỊCH
KT. CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ VĂN PHÒNG**



Mai Việt Trung